

**CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI DONG THANH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI DONG THANH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109741574

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 41 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962164164

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến<br>- Bán buôn nước rau ép, nước quả ép.                                     | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ rau, hoa quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4722        |
| 3.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa quả tại chợ hoặc lưu động.                                              | 4781        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. (trừ đấu giá)                                                                                               | 4610        |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả.                                                                                                           | 1030        |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không bao gồm bán buôn động vật sống)                                                                 | 4620        |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                   | 4631        |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                 | 4633        |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                            | 4634        |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                             | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.                                                       | 4649 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                                                                                                                                                                                                              | 4719 |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước rau ép, nước quả ép.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 17. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4724 |
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán lẻ đèn và bộ đèn; Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; Bán lẻ thiết bị gia dụng; Bán lẻ thiết bị 4759 và hàng gia dụng khác. | 4759 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                             | 4772 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh vàng; kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; kinh doanh tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                  | 4773 |
| 21. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4785 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ.<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                  | 4789 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Không bao gồm hoạt động đầu giá) | 4799 |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar, karaoke, vũ trường...)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5621 |
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5629 |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5630 |
| 29. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8292 |
| 30. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 31. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1075 |
| 32. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>Chi tiết: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9321 |
| 33. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1104 |
| 34. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1020 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH CHUNG | Việt Nam  | Thôn 13, Xã Tân Long, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam        | 900.000.000           | 50,000    | 008090009339                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN ANH HIẾU    | Việt Nam  | Thôn 13, Xã Tân Long, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam        | 900.000.000           | 50,000    | 008095009137                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008090009339

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn 13, Xã Tân Long, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 13, Xã Tân Long, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội